BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2026

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

Khoá học: 2026 - 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: **901/QĐ-ĐHPĐ-ĐT** ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phương Đông)*

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	
Tài chính – Ngân hàng	
Đơn vị cấp bằng	**Đơn vị giảng dạy**
Trường Đại học Phương Đông	Trường Đại học Phương Đông
Khoa quản lý	
Kinh tế - Quản trị kinh doanh	
Trang thông tin điện tử của khoa	
Tên văn bằng	
Cử nhân	
Mã ngành đào tạo	
7340201	
Điều kiện tuyển sinh	
Ngành Tài chính – Ngân hàng tuyển sinh theo các phương thức sau: - Phương thức 1: xét tuyển theo kết quả Kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia; - Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT (học bạ)	

Thời gian và hình thức đào tạo

Chương trình	Thời gian đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian bắt đầu áp dụng	Phương thức đào tạo

Cử nhân Tài chính – Ngân hàng	3,5 năm	Chính quy tập trung	Tháng 9/2026	Lên lớp trực tiếp tại các cơ sở; học trực tuyến; kiến tập, thức tập thực tế
Ngôn ngữ giảng dạy chính				
Tiếng Việt				
Ngôn ngữ dùng để đánh giá				
Tiếng Việt				

2. Đội ngũ giảng viên và chuyên viên/nhân viên cơ hữu

TT	Học hàm – Học vị	Số lượng				Ghi chú
		Giảng viên cơ hữu	Cán bộ quản lý	Chuyên viên/nhân viên	Tổng cộng	
1	Giáo sư	0	0	0	0	
2	Phó Giáo sư	02	02	0	04	
3	Tiến sĩ	12	0	0	12	
4	Thạc sĩ	24	0	03	27	
TỔNG CỘNG					**43**	

3. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

- Nhân viên, chuyên viên: tín dụng, nguồn vốn, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại hối, kế toán ngân hàng, kiểm toán nội bộ, quản lý và xử lý nợ, phân tích chứng khoán, tư vấn tài chính, quản lý rủi ro, tư vấn bảo hiểm .. tại các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp trong và ngoài nước;
- Nhà nghiên cứu, giảng dạy trong các trường cao đẳng, đại học, viện nghiên cứu….

4. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

4a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy - học của ngành đào tạo

Triết lý giáo dục: Vững chuyên môn - Giỏi thực hành - Ứng dụng công nghệ - Trách nhiệm nghề nghiệp;

Chiến lược dạy - học của ngành đào tạo: Kết hợp kiến thức lý thuyết với thực hành, tăng cường học tập qua tình huống, giải quyết vấn đề và trải nghiệm thực tế; chú trọng ứng dụng công nghệ và gắn đào tạo với yêu cầu nghề nghiệp.

4b. Mục tiêu của CTĐT

Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, sức khỏe và tinh thần trách nhiệm xã hội; được trang bị hệ thống kiến thức nền tảng và chuyên sâu về tài chính, ngân hàng, đầu tư và quản trị tài chính; thành thạo kỹ năng nghề nghiệp, có khả năng ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu vào thực tiễn công việc.

Chương trình đào tạo nhằm đào tạo người học sau khi tốt nghiệp có năng lực chuyên môn vững vàng, khả năng thích ứng và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng; đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và các bên liên quan.

Chương trình được thiết kế theo định hướng ứng dụng, giúp người học có khả năng học tập suốt đời, đổi mới sáng tạo và đóng góp tích cực cho xã hội.

4c. Chuẩn đầu ra của CTĐT	
Kiến thức:	
PLO 1	Vận dụng kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, pháp luật, toán học, phương pháp nghiên cứu, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo làm cơ sở cho học tập và tiếp cận kiến thức ngành tài chính - ngân hàng.
PLO 2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành để nhận diện, phân tích và giải quyết các vấn đề học tập cũng như các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.
PLO 3	Phân tích các vấn đề trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng trên cơ sở vận dụng kiến thức chuyên ngành nhằm đề xuất giải pháp phù hợp.
Kỹ năng:	
PLO 4	Thể hiện năng lực sử dụng tiếng Anh và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp, nghiên cứu và phát triển bản thân trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.
PLO 5	Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, tư duy phản biện để phối hợp thực hiện nhiệm vụ và giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng
PLO 6	Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ và quy trình tác nghiệp trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng theo quy định của pháp luật.
PLO 7	Vận dụng kiến thức và kỹ năng để tư vấn, thẩm định và quản trị rủi ro trong hoạt động tài chính - ngân hàng.
PLO 8	Phân tích thông tin tài chính, thẩm định dự án đầu tư, định giá tài sản, chứng khoán và sử dụng công cụ phù hợp nhằm hỗ trợ quyết định đầu tư hiệu quả, có xem xét các yếu tố phát triển bền vững.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm:	
PLO 9	Thể hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, ý thức tuân thủ pháp luật và nội quy của ngành, có trách nhiệm với tổ chức và cộng đồng trong hoạt động tài chính - ngân hàng.
PLO 10	Chủ động làm việc độc lập, tự chịu trách nhiệm về kết quả công việc, có tinh thần học tập suốt đời, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, thích ứng với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp.
4.d. Những đặc điểm khác của CTĐT	
i) Khả năng quốc tế hóa/toàn cầu hóa	

- Chương trình đã trang bị cho sinh viên những năng lực để có thể làm việc trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.
- Sinh viên được học tập với những giảng viên giàu kinh nghiệm, uy tín, là những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Nhà trường và Khoa cũng có những hoạt động trao đổi quốc tế để tạo ra môi trường đa văn hóa, giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập vào môi trường nghề nghiệp quốc tế.

ii) Các vấn đề khác

- Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, tuổi tác và người khuyết tật.
- Các môn học/học phần tự chọn được thiết kế để cung cấp cho người học cơ hội lựa chọn chuyên ngành/chuyên sâu phù hợp với sở thích, năng lực và nhu cầu xã hội.

5. Các chương trình và quy định được tham khảo

5.a. Đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước và các quy định phù hợp được tham khảo

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6 - đại học).
- Đối sánh CTĐT với các trường:

+ Trong nước: Học viện ngân hàng; Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (UEH)
+ Nước ngoài: . University of Missouri - Columbia (Hoa kỳ); University of Leeds (Vương quốc Anh)

5b. Điều kiện tốt nghiệp

1. Sinh viên tích lũy đủ 132 tín chỉ theo thiết kế của CTĐT. Cụ thể, điểm bình quân tích lũy toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); có chứng chỉ giáo dục quốc phòng; có điểm đạt môn giáo dục thể chất; và thỏa mãn một số yêu cầu khác của Nhà trường (nếu có).
2. Thang xếp loại tốt nghiệp theo điểm bình quân tích lũy toàn khóa (thang điểm 4):
   - Xuất sắc: từ 3.6 đến 4.0
   - Giỏi: từ 3.20 đến 3.59
   - Khá: từ 2.50 đến 3.19
   - Trung bình: từ 2.00 đến 2.49

6. Nội dung và tổ chức thực hiện CTĐT

6.a. Cấu trúc và kế hoạch thực hiện CTĐT

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
KỲ 1													
1	Kỳ 1	POL710001	Triết học Mác - Lênin	3	45	45				BB	Không		Không
2	Kỳ 1	LAW710006	Pháp luật đại cương	2	30	30				BB	Không		Không
3	Kỳ 1	MAT710008	Toán kinh tế	3	45	45				BB	Không		Không
4	Kỳ 1	FOS710001	Anh văn 1	3	60	30	30			BB	Không		Không
5	Kỳ 1	SPO760001	Giáo dục thể chất	3						BB			
KỲ 2													
6	Kỳ 2	MAT710005	Xác suất và thống kê ứng dụng	2	30	30				BB	Không		MAT710008
7	Kỳ 2	FOS710002	Anh văn 2	3	60	30	30			BB	FOS710001		
8	Kỳ 2	ITE710001	Kỹ năng số	2	60		60			BB	Không		Không
9	Kỳ 2	EDS710003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30				BB	Không		Không
10	Kỳ 2	ECO710001	Kinh tế vi mô	3	45	45				BB	Không		Không
11	Kỳ 2	LAW720001	Pháp luật kinh tế	2	30	30				BB	Không		LAW710006
KỲ 3													
12	Kỳ 3	POL710002	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	30	30				BB	POL710001		Không

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
13	Kỳ 3	FOS710003	Anh văn 3	3	60	30	30			BB	FOS710002		Không
14	Kỳ 3	ITE710002	Khám phá AI	2	60		60			BB	ITE710001		
15	Kỳ 3	ECO710002	Kinh tế vĩ mô	2	30	30				BB	Không		ECO710001
16	Kỳ 3	MAT720001	Kinh tế lượng	2	30	30				BB	Không		MAT710005
17	Kỳ 3	BUS721003	Quản trị doanh nghiệp	3	45	45				BB	Không		Không
KỲ 4													
18	Kỳ 4	POL710003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30				BB	POL710002		Không
19	Kỳ 4	FOS710004	Anh văn 4	3	60	30	30			BB	FOS710003		Không
20	Kỳ 4	EDS710002	Phát triển kỹ năng	2	30	30				BB	Không		Không
21	Kỳ 4	BUS721005	Khởi sự kinh doanh	2	30	30				BB	Không		Không
22	Kỳ 4	FBI721001	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	45	45				BB	Không		Không
23	Kỳ 4	FBI721003	Bảo hiểm	2	30	30				BB	Không		Không
KỲ 5													
24	Kỳ 5	POL710004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30				BB	POL710003		Không
25	Kỳ 5	STA721001	Thống kê Kinh doanh	3	45	45				BB	Không		Không
26	Kỳ 5	ACC721002	Nguyên lý kế toán	3	45	45				BB	Không		Không
27	Kỳ 5	FOS710005	Anh văn 5	3	60	30	30			BB	FOS710004		Không

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
28	Kỳ 5	MIL760001	Giáo dục quốc phòng & an ninh	11						BB			
KỲ 6													
29	Kỳ 6	FBI721002	Tài chính doanh nghiệp	3	45	45				BB	Không		FBI721001
30	Kỳ 6	FBI721004	Thị trường chứng khoán	3	45	45				BB	Không		Không
31	Kỳ 6	ACC731021	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	45	45				BB	Không		ACC721002
32	Kỳ 6	FBI731001	Tài chính quốc tế	3	45	45				BB	Không		FBI721001
33	Kỳ 6	BUS720001	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	2	60		60			BB	ITE710001		Không
KỲ 7													
34	Kỳ 7	FBI731004	Thanh toán quốc tế	3	45	45				BB	Không		Không
35	Kỳ 7	FBI731006	Thẩm định tài chính dự án	3	60	30	30			BB	Không		ACC721002
36	Kỳ 7	FBI731007	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	3	60	60				BB	Không		FBI721001
37	Kỳ 7	FBI731008	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	45				BB	Không		FBI721002
Tự chọn (Chọn 1 trong 3 môn)													
38	Kỳ 7	ACC731019	Thuế	2	30	30				TC	Không		Không
39	Kỳ 7	BUS721006	Marketing căn bản	2	30	30				TC	Không		Không

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
40	Kỳ 7	BUS721012	Thương mại điện tử	2	30	30				TC	Không		Không
KỲ 8													
41	Kỳ 8	POL710005	Lịch sử Đảng CSVN	2	30	30				BB	Không		POL710004
42	Kỳ 8	FBI731009	Kiến tập ngành Tài chính - Ngân hàng	3	45	45				BB	FBI721001		Không
43	Kỳ 8	FBI731010	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 2	4	60	60				BB	Không		FBI731007
44	Kỳ 8	FBI731011	Kế toán ngân hàng thương mại	4	60	60				BB	Không		ACC721002
45	Kỳ 8	FBI731013	Phân tích đầu tư chứng khoán	3	45	45				BB	Không		FBI721004
KỲ 9													
46	Kỳ 9	FBI731014	Nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối	3	45	45				BB	Không		Không
47	Kỳ 9	FBI731015	Kiểm toán nội bộ ngân hàng	3	45	45				BB	Không		FBI731011
48	Kỳ 9	FBI731016	Quản trị kinh doanh ngân hàng	3	45	45				BB	Không		FBI721001
49	Kỳ 9	FBI731020	Tài chính cá nhân	2	30	30				BB	Không		Không
Tự chọn (Chọn 1 trong 3 môn)													
50	Kỳ 9	FBI731017	Định giá tài sản	3	45	45				TC	Không		FBI721002
51	Kỳ 9	FBI731018	Ngân hàng trung ương	3	45	45				TC	Không		FBI721001

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
52	Kỳ 9	FBI731019	Tài chính công	3	45	45				TC	Không		FBI721001
KỲ 10													
53	Kỳ 10	FBI751001	Khóa luận tốt nghiệp	10	300		300			BB	Theo Quy định		
SV không làm Khóa luận tốt nghiệp													
54	Kỳ 10	FBI751003	Chuyên đề tốt nghiệp	4	120		120			BB	Theo Quy định		
55	Kỳ 10	FBI751002	Thẩm định tín dụng	3	45	45				BB	Không		Không
56	Kỳ 10	FBI751004	Quản trị rủi ro tài chính	3	45	45				BB	Không		FBI721002

6.b. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			
I.1. Kiến thức chính trị, pháp luật			
1	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác – Lênin là học phần đầu tiên, bắt buộc thuộc hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo đại học. Nội dung học phần gồm 3 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Qua đó, học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực vận dụng các kiến thức triết học Mác – Lênin vào hoạt động nhận thức, cũng như thực tiễn học tập.

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
2	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận như: Khái quát sự ra đời, phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về chủ nghĩa xã hội khoa học. Học phần giúp người học nắm vững, giải thích được những vấn đề mang tính quy luật trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay. Nội dung học phần tập trung vào các nhóm vấn đề: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong quá trình xây dựng xã hội XHCN (dân chủ XHCN, Nhà nước XHCN, cơ cấu xã hội - giai cấp, liên minh giai cấp, dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH). Kiến thức của học phần là cơ sở để người học nhận diện, vận dụng kiến thức chủ nghĩa xã hội khoa học và lý giải một số vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn Việt Nam, góp phần nâng cao ý thức công dân và trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội; đồng thời cũng là cơ sở lý luận để người học tiếp cận về môn học tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần giúp người học trình bày và giải thích được khái niệm, cơ sở và quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; liên hệ các nội dung cơ bản và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Nội dung học phần tập trung vào cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức và con người. Kiến thức của học phần góp phần hình thành tư duy độc lập, năng lực liên hệ và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
			học tập, rèn luyện và giải quyết các vấn đề thực tiễn; đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của người học đối với cộng đồng, đất nước và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.
5	Lịch sử Đảng CSVN	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần giúp người học trình bày và giải thích được đối tượng, mục đích, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu lịch sử Đảng; vận dụng kiến thức lịch sử để lý giải các chủ trương, đường lối của Đảng trong từng thời kỳ. Nội dung học phần tập trung vào quá trình thành lập Đảng; sự lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến và kiến quốc; xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện công cuộc đổi mới. Trên cơ sở tổng kết những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng, học phần giúp người học hình thành năng lực phân tích, đánh giá các vấn đề lịch sử – chính trị và vận dụng những bài học lịch sử vào nhận thức các vấn đề thực tiễn của Việt Nam.
6	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức nền tảng về nhà nước, pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam. Học phần giúp người học trình bày, giải thích nguồn gốc, bản chất, chức năng, kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật; nhận diện quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hình thức thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; vận dụng quy định pháp luật để xử lý tình huống pháp lý đơn giản. Nội dung học phần gồm những vấn đề cơ bản của pháp luật hiến pháp, hành chính, hình sự, dân sự và tố tụng. Qua học phần, người học hình thành khả năng lựa chọn cách ứng xử phù hợp với pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân, đồng thời nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và trách nhiệm công dân.
I.2. Kiến thức toán và khoa học tự nhiên (tư duy)			
7	Toán kinh tế	3	Toán kinh tế là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về đại số tuyến tính, giải tích một biến, giải tích nhiều biến và tối ưu có ràng buộc. Học phần giúp người học giải thích các khái niệm, định lý và phương pháp cơ bản; áp dụng ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, đạo hàm, tích phân, đạo hàm riêng, phương pháp nhân tử Lagrange, bài toán vận tải để giải các bài toán định lượng cơ bản. Nội dung học

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
			phần được tổ chức theo hướng tăng cường trực quan, sử dụng công cụ tính toán và mô hình hóa các tình huống đơn giản gắn với lĩnh vực chuyên ngành. Qua học phần, người học phát triển tư duy logic, khả năng biểu diễn bài toán thực tiễn bằng mô hình toán học, tính cẩn trọng trong xử lý số liệu và năng lực kiểm tra, trình bày kết quả tính toán, làm cơ sở học tập các học phần chuyên ngành tiếp theo.
8	Xác suất và thống kê ứng dụng	2	Xác suất và Thống kê ứng dụng là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các ngành thuộc khối ngành Kinh tế, Quản trị, Công nghệ thông tin, cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về bộ công cụ phân tích dữ liệu thực tiễn và tư duy ra quyết định dựa trên dữ liệu. Học phần giúp người học giải thích được bản chất của công thức Bayes, các đại lượng đặc trưng của các phân phối xác suất và logic của suy diễn thống kê. Nội dung học phần được tổ chức theo hướng tăng cường trực quan, sử dụng phần mềm Excel và mô hình hóa các tình huống đơn giản gắn với lĩnh vực chuyên ngành. Qua học phần, người học phát triển tư duy logic, khả năng biểu diễn bài toán thực tiễn bằng mô hình toán học, tính cẩn trọng trong xử lý số liệu và năng lực kiểm tra, trình bày kết quả tính toán, làm cơ sở học tập các học phần chuyên ngành tiếp theo.
I.3. Kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ			
9	Anh văn 1	3	Anh văn 1 (AV1) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh cơ bản ở trình độ A1 theo CEFR (tương đương IELTS 3.0). Học phần giúp người học trình bày, mô tả và trao đổi được thông tin cơ bản về bản thân và các chủ đề quen thuộc trong đời sống, học tập; đồng thời bước đầu hình thành kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và tư duy phản biện. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp cơ bản ở trình độ A1; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại ngắn về chủ đề quen thuộc; kỹ năng nói – viết trình bày thông tin cá nhân; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV2 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
10	Anh văn 2	3	Anh văn 2 (AV2) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, tiếp nối AV1, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh cơ bản ở trình độ A2 theo CEFR (tương đương IELTS 3.5). Học phần giúp người học trình bày, mô tả và trao đổi mạch lạc hơn về các chủ đề quen thuộc liên quan đến trải nghiệm, môi trường và lịch sử; tiếp tục rèn luyện

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
			kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ A2; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại về chủ đề quen thuộc; kỹ năng nói – viết mô tả, kể chuyện và trình bày quan điểm đơn giản; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV3 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
11	Anh văn 3	3	Anh văn 3 (AV3) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ A2+ theo CEFR (tương đương IELTS 4.0). Học phần giúp người học trình bày, so sánh – đối chiếu và lý giải nguyên nhân – kết quả về các chủ đề quen thuộc trong đời sống hằng ngày; phát triển kỹ năng diễn đạt quan điểm cá nhân bằng cấu trúc rõ ràng hơn. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ A2+; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại có độ dài và độ phức tạp tăng dần; kỹ năng nói – viết diễn đạt vấn đề – giải pháp, so sánh – đối chiếu; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV4 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
12	Anh văn 4	3	Anh văn 4 (AV4) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh đạt trình độ B1 theo CEFR (tương đương IELTS 4.5). Học phần giúp người học phân tích, tóm tắt và trình bày lập luận về các chủ đề quen thuộc trong đời sống và học tập; phát triển kỹ năng phân tích ưu – nhược điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ B1; kỹ năng nghe – đọc hiểu, tóm tắt nội dung chính và chi tiết của văn bản, hội thoại; kỹ năng nói – viết trình bày bài phát biểu và bài luận phân tích ưu – nhược điểm; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV5 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
13	Anh văn 5	3	Anh văn 5 (AV5) là học phần cuối thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ B1+ theo CEFR (tương đương IELTS 5.0). Học phần giúp người học phân tích các mối quan hệ logic, quan điểm và luận điểm trong văn bản, hội thoại; đồng thời trình bày bài nói, viết báo cáo và bài luận có cấu trúc rõ ràng. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ B1+; kỹ năng nghe – đọc hiểu, phân tích văn bản, hội thoại có cấu trúc phức tạp; kỹ năng nói – viết trình bày, xử lý tình huống và viết báo cáo,

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
			bài luận; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh của chương trình, phục vụ học tập chuyên ngành và tham gia các kỳ thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.
I.4. Kiến thức và kỹ năng số			
14	Kỹ năng số	2	Môn học bao gồm 6 modules Module 1: khai thác dữ liệu và thông tin. Hướng dẫn sinh viên kỹ năng duyệt, tìm kiếm và trích xuất dữ liệu. Hướng dẫn sinh viên thiết lập quy trình sao lưu, áp dụng các phương pháp bảo mật dữ liệu và chia sẻ dữ liệu an toàn. Module 2: giao tiếp và hợp tác trong môi trường số. Hướng dẫn sinh viên cách hợp tác trong công việc và học tập trong môi trường số. Hiểu và áp dụng các nguyên tắc ứng xử trên mạng, quản lý danh tính số và sử dụng các dịch vụ công một cách hiệu quả. Module 3: ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh. Giới thiệu các khái niệm cơ bản về AI. Hướng dẫn sinh viên thực hiện viết Prompt và sử dụng các công cụ AI tạo sinh để xây dựng các sản phẩm số. Đánh giá và nhận dạng các vấn đề về quyền riêng tư, đạo đức và bản quyền khi sử dụng các công cụ AI tạo sinh. Module 4: sáng tạo nội dung số. Hướng dẫn sinh viên cách xác định mục tiêu của nội dung số và lập kế hoạch xây dựng nội dung số. Áp dụng các công cụ để viết nội dung, kịch bản và thiết kế, xây dựng các sản phẩm số. Trong quá trình xây dựng sản phẩm số, sinh viên xác định được các thành phần có bản quyền và áp dụng các giấy phép bản quyền phù hợp. Module 5: giải quyết vấn đề. Hướng dẫn sinh viên cách xác định các lỗi về phần cứng, phần mềm; khả năng tự tìm hiểu và chọn lựa nền tảng học tập, tìm kiếm tài liệu trực tuyến. Hướng dẫn cách sử dụng các công cụ số để phân tích dữ liệu, mô hình hóa định lượng cũng như trình bày nội dung học thuật một cách chuyên nghiệp.

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
			Module 6: an toàn trên môi trường số. Hướng dẫn cho sinh viên các nguy cơ khi sử dụng mạng Internet, các loại hình tấn công dữ liệu cá nhân và các biện pháp bảo vệ. Hướng dẫn cách bảo vệ sức khỏe khi sử dụng các thiết bị điện tử cũng như bảo vệ môi trường khỏi tác động của công nghệ số.
15	Khám phá AI	2	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về trí tuệ nhân tạo và AI tạo sinh, bao gồm khả năng, giới hạn, tác động và các rủi ro khi sử dụng AI. Người học được thực hành kỹ thuật prompting, kiểm chứng và đánh giá đầu ra AI; ứng dụng các công cụ AI tạo sinh để hỗ trợ học tập, công việc và phát triển các sản phẩm số như văn bản, hình ảnh, video và ứng dụng đơn giản. Học phần đồng thời hình thành năng lực sử dụng AI có trách nhiệm, chú trọng liêm chính học thuật, bản quyền, quyền riêng tư, an toàn dữ liệu và trách nhiệm của người dùng đối với sản phẩm do AI hỗ trợ tạo ra.
I.5. Kỹ năng mềm			
16	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh, góp phần hình thành tư duy khoa học và năng lực thực hiện nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và quản trị. Nội dung học phần gồm: quy trình nghiên cứu; xác định vấn đề, mục tiêu, câu hỏi, giả thuyết; tổng quan tài liệu; xây dựng cơ sở lý thuyết, mô hình; lựa chọn thiết kế định tính, định lượng hoặc hỗn hợp; đo lường, chọn mẫu, thu thập, quản lý và phân tích dữ liệu; viết và trình bày đề cương. Sau học phần, sinh viên phân tích được căn cứ lựa chọn phương pháp; xây dựng được đề cương nghiên cứu khả thi, logic; thể hiện tư duy phản biện, năng lực tự học, phối hợp nhóm và trách nhiệm học thuật. Kỹ năng thực hành được phát triển thông qua tìm kiếm tài liệu, lập ma trận tổng quan, thiết kế bản hỏi hoặc hướng dẫn phỏng vấn, xây dựng kế hoạch mẫu, viết và bảo vệ đề cương nhóm; hỗ trợ thực hiện bài tập lớn, khóa luận và nhiệm vụ nghiên cứu tại doanh nghiệp. Học phần lồng ghép đạo đức nghiên cứu, bảo mật dữ liệu, trích dẫn và liêm chính học thuật; hướng dẫn sử dụng công cụ số, AI có khai báo và kiểm chứng, không tạo dữ liệu hoặc nguồn giả, không thay thế trách nhiệm của người học.
17	Phát triển kỹ năng	2	Học phần Phát triển kỹ năng trang bị kiến thức nền tảng và phương pháp rèn luyện những kỹ năng mềm cốt lõi, thiết yếu nhất cho sinh viên trước khi bước vào môi trường làm việc hiện đại. Nội dung tập trung vào các nhóm kỹ năng: (1) giao tiếp và thuyết trình hiệu quả; (2) làm việc nhóm và hợp tác; (3) tư duy phản biện và giải quyết vấn đề; (4) quản lý

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
			thời gian và tổ chức công việc. Học phần chú trọng thực hành, đóng vai và xử lý tình huống thực tế nhằm giúp sinh viên chuyển hoá kiến thức thành hành vi, đồng thời lồng ghép ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo hỗ trợ học tập và làm việc. Qua học phần, sinh viên phát triển khả năng trình bày, thuyết phục và phối hợp hiệu quả trong nhóm; tư duy phân tích, giải quyết vấn đề và ra quyết định; kỹ năng tổ chức công việc khoa học và quản lý thời gian trong các tình huống thực tế. Học phần góp phần hình thành tác phong chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm và khả năng thích ứng, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động trong nhiều lĩnh vực ngành nghề khác nhau.
I.6. Giáo dục quốc phòng - An ninh & Giáo dục thể chất			
	Giáo dục quốc phòng & an ninh	11	Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ Tổ quốc, cùng kiến thức về phòng thủ dân sự và an ninh phi truyền thống. Bên cạnh lý thuyết, sinh viên được rèn luyện kỹ năng quân sự chung, kỹ thuật - thuật bắn súng tiểu liên AK (hoặc CKC), đội ngũ đơn vị, và các phương án tác chiến cơ bản trong điều kiện chiến đấu. Học phần góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm công dân, xây dựng tác phong kỷ luật, tinh thần tập thể và sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.
	Giáo dục thể chất	3	Học phần Giáo dục thể chất trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về thể dục thể thao, phương pháp tập luyện an toàn và nâng cao sức khỏe. Nội dung môn học tập trung vào việc rèn luyện thể lực chung, hoàn thiện kỹ thuật - kỹ năng vận động ở các môn thể thao cụ thể (như Điền kinh, Cầu lông, Bóng chuyền,...), cùng phương pháp tự kiểm tra, đánh giá thể lực. Qua đó, học phần giúp sinh viên hình thành thói quen rèn luyện thân thể hàng ngày, xây dựng lối sống lành mạnh và phát triển các phẩm chất tâm lý, ý chí cần thiết cho học tập và nghề nghiệp
II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			
II.1. Kiến thức cơ sở ngành			
18	Pháp luật kinh tế	2	Học phần Pháp luật kinh tế trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về hệ thống pháp luật điều chỉnh các hoạt động kinh doanh, bao gồm pháp luật về doanh nghiệp, hợp đồng thương mại, phá sản, giải thể doanh nghiệp và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại. Học phần giúp người học hiểu và vận dụng các quy định pháp luật

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
			trong quá trình thành lập, tổ chức, quản lý và điều hành doanh nghiệp, đồng thời nâng cao năng lực phân tích và xử lý các tình huống pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, học phần cập nhật các xu hướng phát triển của pháp luật trong bối cảnh chuyển đổi số, kinh tế số và thương mại điện tử, đồng thời giới thiệu việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong nghiên cứu, tra cứu pháp luật, phân tích hợp đồng, đánh giá rủi ro pháp lý và hỗ trợ giải quyết tranh chấp. Thông qua học phần, sinh viên được phát triển tư duy pháp lý, tư duy đổi mới sáng tạo, kỹ năng ứng dụng công nghệ số và AI trong lĩnh vực pháp lý – kinh doanh, góp phần đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao trong môi trường kinh doanh hiện đại và hội nhập quốc tế.
19	Kinh tế vi mô	3	Học phần Kinh tế vi mô giới thiệu các nội dung cơ bản về cung, cầu và cơ chế hình thành giá cả trên thị trường; lý thuyết hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp; lý thuyết sản xuất và chi phí; cấu trúc thị trường và các mô hình cạnh tranh, độc quyền; thị trường các yếu tố sản xuất; thất bại của thị trường và vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế. Bên cạnh đó, học phần đề cập đến việc phân tích các tình huống kinh tế và các vấn đề thực tiễn trong hoạt động của doanh nghiệp và thị trường.
20	Kinh tế vĩ mô	2	Kinh tế vĩ mô là học phần nghiên cứu tổng thể nền kinh tế thông qua các biến số cơ bản như sản lượng, thu nhập, đầu tư, tiền tệ, lãi suất, lạm phát, thất nghiệp, thuế và chi tiêu của chính phủ, xuất nhập khẩu và cán cân thương mại,... Mối quan hệ của các biến số này được mô tả thông qua các mô hình kinh tế vĩ mô như mô hình tổng cung – tổng cầu (AS-AD), mô hình IS-LM trong nền kinh tế. Trên cơ sở đó, sinh viên có đủ kiến thức để nắm được các thức vận hành của nền kinh tế, các biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn và cách thức chính phủ sử dụng chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
21	Kinh tế lượng	2	Kinh tế lượng là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các ngành thuộc khối ngành Kinh tế, Quản trị, cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về tư duy mô hình kinh tế lượng và xử lý dữ liệu. Học phần giúp người học giải thích được mối quan hệ giữa các biến trong mô hình Kinh tế lượng, ý nghĩa của các hệ số của các mô hình hồi quy đơn, mô hình hồi quy bội, chẩn đoán và sửa lỗi mô hình, quy tắc đọc số liệu dựa trên kết qủa chạy phần mềm và kỹ thuật đưa biến định tính vào thực tế. Nội dung học phần được tổ chức theo hướng tăng cường thực hành, sử dụng phần mềm,

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
			AI và mô hình hóa các tình huống đơn giản gắn với lĩnh vực chuyên ngành. Qua học phần, người học phát triển tư duy logic, khả năng biểu diễn bài toán thực tiễn bằng mô hình toán học, tính cẩn trọng trong xử lý số liệu và năng lực kiểm tra, trình bày kết quả tính toán, làm cơ sở học tập các học phần chuyên ngành tiếp theo.
22	Quản trị doanh nghiệp	3	Học phần Quản trị doanh nghiệp được cấu trúc khoa học theo ba cấp độ tịnh tiến nhằm phát triển toàn diện năng lực người học. Ở cấp độ kiến thức cơ bản, sinh viên được chuẩn hóa nền tảng lý thuyết về tổng quan doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, quy trình vận hành và các chức năng quản trị cốt lõi: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Ở cấp độ nâng cao, nội dung học phần đi sâu vào năng lực điều hành thực chiến thông qua việc vận dụng kỹ năng của doanh nhân, tối ưu hóa chuỗi giá trị, quản trị tài chính, nhân sự, công nghệ và xử lý khủng hoảng trong môi trường kinh doanh biến động. Ở cấp độ mở rộng, môn học tạo không gian cho sinh viên bứt phá năng lực riêng biệt bằng cách tiếp cận các mô hình quản trị hiện đại, tư duy đổi mới sáng tạo, quản trị tri thức và trách nhiệm xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa. Đây là bệ phóng giúp người học định hình phong cách lãnh đạo độc lập và làm chủ các quyết định quản lý phức tạp.
23	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	Học phần Lý thuyết Tài chính – tiền tệ là học phần cung cấp những kiến thức lý thuyết cơ bản về tiền tệ, tài chính, ngân hàng, lạm phát, và chính sách tiền tệ. Về tiền tệ, học phần sẽ đề cập tới những quan niệm về tiền tệ, vai trò và chức năng của tiền tệ cũng như các hình thái của nó. Về tài chính, học phần sẽ đề cập tới hệ thống tài chính gồm các tụ điểm vốn quan trọng trong nền kinh tế, làm rõ bản chất của tài chính thông qua cách tổ chức và phân phối các quỹ tiền tệ chẳng hạn như ngân sách Nhà nước và tài chính doanh nghiệp. Ngoài ra học phần còn đề cập kênh trực tiếp và kênh gián tiếp dẫn vốn trong nền kinh tế, tức là đề cập sơ lược về thị trường tài chính (tài chính trực tiếp) và các công cụ tài chính; và kênh dẫn vốn gián tiếp tức là các trung gian tài chính gồm các ngân hàng trung gian và các tổ chức tài chính phi ngân hàng. Những vấn đề cơ bản của tài chính ngân hàng như lãi suất và tín dụng được trình bày một cách cơ bản và tổng quan. Cuối cùng học phần trình bày nội dung về cung cầu tiền, Lạm phát, Ngân hàng Trung Ương và chính sách tiền tệ.
24	Bảo hiểm	2	Học phần Bảo hiểm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bảo hiểm và thị trường bảo hiểm, nắm được một số nghiệp vụ bảo hiểm cơ bản. Học phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức để phân tích nhu cầu bảo hiểm, lựa

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
			chọn sản phẩm bảo hiểm phù hợp, tính phí bảo hiểm, xác định số tiền bồi thường và giải quyết các tình huống thực tiễn trong hoạt động bảo hiểm. Đồng thời, học phần cũng lồng ghép định hướng phát triển bền vững theo khung ESG và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và chất lượng dịch vụ bảo hiểm. Qua học phần, sinh viên hình thành tác phong làm việc cẩn thận, trung thực, chủ động tự học, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.
25	Nguyên lý kế toán	3	Học phần Nguyên lý kế toán được cấu trúc theo hai cấp độ phát triển năng lực nhằm hình thành nền tảng kiến thức và kỹ năng nhập môn của người học. Ở cấp độ kiến thức cơ bản, sinh viên được trang bị bản chất, chức năng, nhiệm vụ, vai trò của hạch toán kế toán trong quản lý kinh tế - tài chính; các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung; đối tượng của hạch toán kế toán và biểu hiện cụ thể tại doanh nghiệp; hệ thống các phương pháp kế toán bao gồm phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán; tổ chức sổ kế toán và kỹ thuật ghi sổ. Ở cấp độ vận dụng, học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng lập và kiểm tra chứng từ kế toán, định khoản và ghi chép các quan hệ đối ứng tài khoản, tính giá một số đối tượng kế toán cơ bản, lập bảng cân đối tài khoản và các báo cáo kế toán cơ bản (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh); đồng thời làm quen với việc ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm và công cụ AI để hỗ trợ tra cứu, xử lý thông tin kế toán, xây dựng và thuyết trình bài thảo luận nhóm. Đây là nền tảng để sinh viên tiếp tục học tập các học phần kế toán chuyên ngành ở các giai đoạn tiếp theo.
26	Thống kê kinh doanh	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp điều tra thu thập thông tin thực tế về mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội, phân tổ tổng hợp dữ liệu điều tra, tính toán các chỉ tiêu phân tích và phân tích thực trạng tình hình phát triển kinh doanh sản xuất - dịch vụ và KTXH hiện tại và dự báo phát triển trong tương lai. Đồng thời, học phần cũng cung cấp kiến thức về thống kê kết quả sản xuất sản phẩm xã hội và thống kê doanh nghiệp.
27	Tài chính doanh nghiệp	3	Học phần Tài chính doanh nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo Tài chính-Ngân hàng. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức nền tảng về quản trị tài chính trong doanh nghiệp, bao gồm mục tiêu của quản trị tài chính, giá trị thời gian của tiền, rủi ro và tỷ suất sinh lời, cùng phương pháp định giá

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
			các tài sản tài chính. Nội dung học phần tập trung đi sâu vào cơ chế ra quyết định tài chính, bao gồm: quyết định đầu tư dài hạn (ngân sách vốn), quyết định nguồn vốn (chi phí sử dụng vốn, cơ cấu vốn), chính sách cổ tức và quyết định tài chính ngắn hạn (quản trị vốn lưu động). Bên cạnh đó, học phần giúp người học phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá hiệu quả dự án đầu tư và xử lý các vấn đề tài chính cơ bản; vận dụng kiến thức vào thực tiễn quản trị tài chính và giải quyết các tình huống huy động - sử dụng vốn thực tế. Học phần hỗ trợ người học thích ứng với các vị trí công việc trong lĩnh vực tài chính - kế toán - đầu tư, đồng thời lồng ghép các nội dung về tài chính bền vững (ESG), ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích dữ liệu tài chính, cùng xu hướng quản trị tài chính doanh nghiệp trong kỷ nguyên số.
28	Thị trường chứng khoán	3	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức nền tảng và nâng cao về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong nền kinh tế thị trường hiện đại. Ở cấp độ cơ bản, người học nắm được bản chất, chức năng, cơ cấu thị trường, các loại hàng hóa (cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh) và vai trò của các chủ thể tham gia như Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán, công ty chứng khoán và quỹ đầu tư. Ở cấp độ nâng cao, học phần tập trung vào cơ chế phát hành, quy tắc và các loại lệnh giao dịch, phân tích cơ bản, phân tích kỹ thuật, đo lường mức sinh lời – rủi ro và định giá cổ phiếu, trái phiếu. Ở cấp độ mở rộng, người học vận dụng kiến thức vào phân tích tình huống thị trường thực tế, đối chiếu quy định của Luật Chứng khoán và chuẩn mực công bố thông tin để rèn luyện tư duy đầu tư có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.
29	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	Học phần Kế toán doanh nghiệp được cấu trúc khoa học theo ba cấp độ phát triển năng lực nhằm hình thành toàn diện kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng thích ứng của người học. Ở cấp độ kiến thức cơ bản, sinh viên được trang bị nền tảng về đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, vai trò của kế toán trong quản lý, nguyên tắc tổ chức công tác kế toán, hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán và quy trình xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp. Ở cấp độ nâng cao, nội dung học phần tập trung phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp thông qua việc vận dụng các phương pháp kế toán để hạch toán các phần hành chủ yếu như kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu, hàng tồn

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
			kho, tài sản cố định, chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, tiêu thụ hàng hóa dịch vụ, hoạt động tài chính, nguồn vốn, xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện khả năng kiểm tra, phân tích và đánh giá thông tin kế toán phục vụ công tác quản lý và ra quyết định trong doanh nghiệp. Ở cấp độ mở rộng, học phần tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận xu hướng phát triển của nghề kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm kế toán, hệ thống thông tin kế toán, công cụ phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) trong xử lý nghiệp vụ, kiểm soát thông tin và nâng cao hiệu quả công tác kế toán. Qua đó, sinh viên phát triển tư duy phân tích, tư duy phản biện, năng lực tự học, khả năng cải tiến hệ thống kế toán và thích ứng với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp. Đây là nền tảng giúp người học tự tin đảm nhận các vị trí kế toán chuyên môn, kiểm soát nội bộ, kế toán quản trị hoặc tiếp tục phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính.
II.3. Kiến thức ngành			
30	Tài chính quốc tế	3	Học phần Tài chính quốc tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính quốc tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, bao gồm thị trường tài chính quốc tế, tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán quốc tế, đầu tư quốc tế, tài trợ quốc tế và quản trị rủi ro tài chính quốc tế. Học phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức để phân tích các vấn đề tài chính quốc tế, đánh giá tác động của môi trường kinh tế toàn cầu đến doanh nghiệp và đưa ra các giải pháp phù hợp trong hoạt động kinh doanh quốc tế. thương mại. Đồng thời, học phần cũng lồng ghép định hướng phát triển bền vững theo khung ESG, tài chính xanh nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên về trách nhiệm môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp. Qua học phần, sinh viên hình thành tác phong làm việc cẩn thận, trung thực, chủ động tự học, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.
31	Thanh toán quốc tế	3	Học phần Thanh toán quốc tế trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động thanh toán quốc tế, bao gồm các điều kiện thanh toán trong hợp đồng ngoại thương, Incoterms 2020, các văn bản pháp lý điều chỉnh hoạt động thanh toán quốc tế, bộ chứng từ thương mại, các phương tiện và phương thức thanh toán quốc tế. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng quy trình thanh toán quốc tế, nhận diện rủi ro, lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp và xử

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
			lý các tình huống phát sinh trong hoạt động thanh toán quốc tế của doanh nghiệp và ngân hàng. thương mại. Đồng thời, học phần cũng lồng ghép định hướng phát triển bền vững theo khung ESG và áp dụng AI trong kiểm tra bộ chứng từ nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên về trách nhiệm môi trường, xã hội. Qua học phần, sinh viên hình thành tác phong làm việc cẩn thận, trung thực, chủ động tự học, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.
32	Thẩm định tài chính dự án	3	Học phần Thẩm định tài chính dự án trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng thẩm định hiệu quả tài chính của dự án đầu tư. Phần nền tảng giới thiệu tổng quan về dự án đầu tư và thẩm định dự án, giá trị theo thời gian của tiền, mối quan hệ lợi nhuận – rủi ro trong đầu tư. Phần trọng tâm đi sâu vào thẩm định tài chính dự án: các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính (NPV, IRR, B/C, PP, PI), thẩm định vốn đầu tư, thẩm định dòng tiền, thẩm định tỷ suất chiết khấu và phân tích rủi ro của dự án (độ nhạy, tình huống, mô phỏng), có lồng ghép các yếu tố phát triển bền vững (môi trường – xã hội – quản trị). Người học thực hành trên Excel để xây dựng bảng tính tài chính có liên kết và sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ tra cứu, xử lý dữ liệu và soạn thảo báo cáo thẩm định; đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, bảo vệ kết luận đầu tư và thái độ chủ động, trung thực, trách nhiệm trong nghề nghiệp.
33	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	3	Học phần Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1 là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về ngân hàng thương mại, bao gồm chức năng, vai trò và các nghiệp vụ kinh doanh chủ yếu như huy động vốn, tín dụng và đầu tư tài chính. Nội dung học phần tập trung vào cơ chế vận hành của các nghiệp vụ ngân hàng, quản trị rủi ro, các quy định pháp luật liên quan và tác động của chính sách tiền tệ đến hoạt động ngân hàng thương mại. Bên cạnh đó, học phần giúp người học phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá và xử lý các nghiệp vụ ngân hàng cơ bản; vận dụng kiến thức vào thực tiễn hoạt động ngân hàng và giải quyết các tình huống nghiệp vụ. Học phần hỗ trợ người học vận dụng kiến thức vào các vị trí công việc trong lĩnh vực ngân hàng và tài chính, đồng thời lồng ghép các nội dung về tín dụng xanh, chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng, ngân hàng số, eKYC, Open Banking và xu hướng phát triển của ngân hàng trong kỷ nguyên số.

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
34	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	Học phần Phân tích tài chính doanh nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về hệ thống báo cáo tài chính, chất lượng thông tin kế toán và các phương pháp, công cụ phân tích tài chính hiện đại. Nội dung học phần tập trung vào việc đánh giá toàn diện "sức khỏe" tài chính của doanh nghiệp thông qua: phân tích cấu trúc tài chính, tình hình đảm bảo vốn, hiệu quả hoạt động kinh doanh, quản trị vốn luân chuyển, nhận diện rủi ro tài chính, khả năng thanh toán, tỷ suất sinh lời, cũng như các kỹ thuật dự báo tài chính và định giá doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần giúp người học phát triển kỹ năng thu thập dữ liệu, tính toán các chỉ tiêu và lập báo cáo phân tích tài chính; vận dụng kiến thức để nhận diện điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp và đưa ra các tư vấn, quyết định đầu tư/tín dụng hợp lý. Học phần hỗ trợ người học thích ứng với các vị trí công việc như chuyên viên phân tích tài chính, tư vấn đầu tư, cán bộ tín dụng; đồng thời lồng ghép các nội dung về tính minh bạch trong công bố thông tin, báo cáo phát triển bền vững (ESG), ứng dụng dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), các công cụ phân tích dữ liệu thông minh (BI) và xu hướng tự động hóa trong phân tích tài chính thời kỳ kỷ nguyên số.
35	Kiến tập ngành Tài chính - Ngân hàng	3	Học phần Kiến tập ngành Tài chính - Ngân hàng giúp sinh viên tiếp cận môi trường làm việc thực tế tại các ngân hàng, doanh nghiệp, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm hoặc các tổ chức tài chính. Thông qua hoạt động kiến tập, sinh viên tìm hiểu cơ cấu tổ chức, chức năng, quy trình nghiệp vụ, mô hình hoạt động và thực trạng của đơn vị. Trên cơ sở đó, sinh viên lựa chọn một nội dung thực tiễn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng để thu thập thông tin, phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo kiến tập, đồng thời đề xuất các kiến nghị hoặc giải pháp phù hợp dựa trên kiến thức đã được trang bị trong chương trình đào tạo. Học phần góp phần phát triển kỹ năng quan sát, thu thập và xử lý thông tin, phân tích, tổng hợp, viết báo cáo và tác phong nghề nghiệp, đồng thời giúp sinh viên tăng cường hiểu biết về yêu cầu thực tiễn của ngành và định hướng nghề nghiệp.
36	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 2	4	Học phần Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 2 là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về nghiệp vụ tín dụng của ngân hàng thương mại, bao gồm quy trình cấp tín dụng, bảo đảm tiền vay, thẩm định tín dụng, phân tích tín dụng và phân

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
			tích hoạt động ngân hàng thương mại. Nội dung học phần tập trung vào cơ chế quản trị rủi ro trong hoạt động tín dụng, các quy định pháp luật liên quan và tác động của chính sách tiền tệ đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại. Bên cạnh đó, học phần giúp người học phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá và thực hiện các nghiệp vụ tín dụng; vận dụng kiến thức vào thực tiễn hoạt động ngân hàng và giải quyết các tình huống nghiệp vụ phát sinh. Học phần hỗ trợ người học vận dụng kiến thức vào các vị trí công việc trong lĩnh vực ngân hàng và tài chính, đồng thời lồng ghép các nội dung về tín dụng xanh, chuyển đổi số trong hoạt động tín dụng, chấm điểm tín dụng tự động, phân tích dữ liệu khách hàng và xu hướng phát triển của ngân hàng trong kỷ nguyên số.
37	Kế toán ngân hàng thương mại	4	Học phần Kế toán ngân hàng thương mại trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về tổ chức công tác kế toán trong ngân hàng thương mại; nguyên tắc, chế độ kế toán và hệ thống tài khoản kế toán áp dụng trong các ngân hàng thương mại theo quy định hiện hành. Học phần cung cấp các kiến thức về kế toán các nghiệp vụ chủ yếu của ngân hàng thương mại như huy động vốn, cấp tín dụng, thanh toán, kinh doanh ngoại hối, đầu tư tài chính, tài sản cố định, thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh; đồng thời giới thiệu quy trình lập và trình bày báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa kế toán, quản trị tài chính, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ trong hoạt động ngân hàng. Qua đó, sinh viên hình thành kỹ năng vận dụng hệ thống tài khoản để ghi nhận và xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập và phân tích các báo cáo kế toán, đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động của ngân hàng thương mại; đồng thời phát triển tác phong làm việc chuyên nghiệp, ý thức tuân thủ các quy định pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán ngân hàng.
38	Phân tích đầu tư chứng khoán	3	Học phần Phân tích đầu tư chứng khoán trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về phân tích và đầu tư chứng khoán, bao gồm: phân tích mối quan hệ giữa lợi nhuận và rủi ro; phân tích cơ bản (cổ phiếu, trái phiếu); phân tích kỹ thuật (biểu đồ, chỉ báo); cùng phương pháp lựa chọn chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
			Bên cạnh lý thuyết, học phần chú trọng phát triển kỹ năng thực hành thông qua việc ứng dụng công cụ bảng tính và trí tuệ nhân tạo (AI) để xử lý dữ liệu thị trường, tính toán chỉ tiêu và dự báo xu hướng giá. Đồng thời, sinh viên được hướng dẫn quy trình và các bước thực hiện giao dịch chứng khoán thực tế.
39	Nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối	3	Học phần Nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về thị trường ngoại hối, cơ chế hình thành và vận động của tỷ giá hối đoái, các chủ thể tham gia thị trường ngoại hối và vai trò của thị trường ngoại hối trong nền kinh tế. Nội dung học phần tập trung vào các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối chủ yếu của ngân hàng thương mại như giao dịch giao ngay (Spot), giao dịch kỳ hạn (Forward), giao dịch hoán đổi (Swap), giao dịch tương lai (Futures) và giao dịch quyền chọn (Options); đồng thời phân tích tác động của chính sách tiền tệ, biến động tỷ giá và các yếu tố kinh tế vĩ mô đến hoạt động kinh doanh ngoại hối. Bên cạnh đó, học phần giúp người học phát triển kỹ năng đọc hiểu, phân tích và vận dụng các báo giá ngoại tệ, hợp đồng ngoại hối và các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá; sử dụng tiếng Anh chuyên ngành trong giao tiếp và xử lý các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối cơ bản tại ngân hàng thương mại. Học phần hỗ trợ người học vận dụng kiến thức vào thực tiễn hoạt động kinh doanh ngoại hối của ngân hàng, doanh nghiệp xuất nhập khẩu và các tổ chức tài chính, đồng thời lồng ghép các nội dung về chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh ngoại hối, giao dịch ngoại hối điện tử, thanh toán quốc tế, quản trị rủi ro tỷ giá và xu hướng phát triển của thị trường ngoại hối trong bối cảnh hội nhập tài chính quốc tế.
40	Kiểm toán nội bộ ngân hàng	3	Học phần Kiểm toán nội bộ ngân hàng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kiểm toán nội bộ trong ngân hàng thương mại; vai trò, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ theo các chuẩn mực nghề nghiệp và quy định của pháp luật. Học phần cung cấp các kiến thức về quy trình kiểm toán nội bộ, phương pháp đánh giá rủi ro, lập kế hoạch kiểm toán, thu thập và đánh giá bằng chứng kiểm toán, lập báo cáo kiểm toán, theo dõi việc thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán và kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ. Đồng thời, học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng kiểm toán nội bộ đối với các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của ngân hàng thương mại như huy động vốn, cấp tín dụng, đầu tư, kinh doanh ngoại hối, thanh toán, quản lý tài sản nợ - tài sản có,

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
			quản trị rủi ro và tuân thủ. Qua đó, sinh viên hình thành kỹ năng nhận diện rủi ro, xây dựng chương trình kiểm toán, thực hiện các thủ tục kiểm toán, phân tích và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ trong ngân hàng thương mại; đồng thời phát triển tác phong nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và ý thức tuân thủ trong hoạt động kiểm toán nội bộ.
41	Quản trị kinh doanh ngân hàng	3	Học phần Quản trị kinh doanh ngân hàng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về quản trị kinh doanh ngân hàng, bao gồm: tổng quan về ngân hàng và quản trị ngân hàng; quản trị chiến lược kinh doanh; quản trị tổ chức; quản trị nguồn nhân lực; quản trị tài sản, nguồn vốn và thanh khoản; quản trị kết quả tài chính; marketing ngân hàng. Học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá các hoạt động quản trị của ngân hàng thương mại. Đồng thời, học phần cũng lồng ghép định hướng phát triển bền vững theo khung ESG nhằm nâng cao nhận thức về quản trị ngân hàng gắn với trách nhiệm môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp. Qua học phần, sinh viên hình thành tác phong làm việc cẩn thận, trung thực, chủ động tự học, thường xuyên cập nhật kiến thức và phương pháp quản trị hiện đại, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.
42	Tài chính cá nhân	2	Học phần trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cần thiết để lập kế hoạch và ra các quyết định tài chính cá nhân trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; quản lý thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm; các quyết định vay vốn, đầu tư, bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ, lập kế hoạch tài chính hưu trí và kế hoạch thừa kế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu việc ứng dụng các công cụ số trong quản lý tài chính cá nhân và định hướng các quyết định tài chính có trách nhiệm, hướng tới tài chính bền vững. Ngoài việc vận dụng các kiến thức để quản lý tài chính cho bản thân và gia đình, người học còn có khả năng hỗ trợ, tư vấn tài chính cá nhân tại các tổ chức tài chính, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý tài sản cá nhân của các ngân hàng, công ty chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm và các công ty tư vấn tài chính.
Tự chọn (chọn 1 trong 3 học phần)			
43	Định giá tài sản	3	Học phần Định giá tài sản trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và toàn diện về định giá tài sản trong nền kinh tế thị trường. Nội dung học phần bao gồm các khái niệm về tài sản, giá trị tài sản và định giá tài sản; bản chất, mục đích, các nguyên tắc kinh tế chi phối và cơ sở xác định giá trị tài sản; quy trình định giá theo tiêu chuẩn; các cách

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
			tiếp cận và phương pháp định giá đối với bất động sản, máy móc thiết bị và doanh nghiệp; đồng thời giới thiệu các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động định giá tài sản.
44	Ngân hàng trung ương	3	Học phần Ngân hàng trung ương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cập nhật về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và vai trò của Ngân hàng Trung ương trong nền kinh tế thị trường. Nội dung học phần bao gồm mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động của Ngân hàng Trung ương; nghiệp vụ phát hành tiền; điều hành chính sách tiền tệ thông qua các công cụ như nghiệp vụ thị trường mở, tái cấp vốn, dự trữ bắt buộc và điều hành lãi suất; hoạt động tín dụng, thanh toán, quản lý ngoại hối và dự trữ ngoại hối quốc gia; thanh tra, giám sát các tổ chức tín dụng, bảo đảm an toàn hệ thống tài chính và kiểm soát nội bộ của Ngân hàng Trung ương. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu những xu hướng mới trong hoạt động ngân hàng trung ương như chuyển đổi số, tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương (CBDC), vai trò của Ngân hàng Trung ương trong thúc đẩy tài chính xanh, phát triển bền vững và ứng phó với các biến động kinh tế - tài chính trong bối cảnh hội nhập quốc tế.
45	Tài chính công	3	Học phần Tài chính công trang bị những kiến thức lý thuyết cơ bản về tài chính công như: Tài chính công trong việc thực hiện chức năng của nhà nước; Chi tiêu công, các nhân tố ảnh hưởng và xu hướng chi tiêu công, chi tiêu công cho các hoạt động thường xuyên, chi tiêu công cho đầu tư phát triển; Các nguồn tài trợ công, thuế, phí, lệ phí; Cân đối ngân sách nhà nước, thâm hụt ngân sách nhà nước và nợ công. Sinh viên được tiếp cận môn học trên cơ sở hướng dẫn của giảng viên, tự nghiên cứu tài liệu và trao đổi, thảo luận trên lớp.
II.4. Kiến thúc bổ trợ			
Bắt buộc			
46	Khởi sự kinh doanh	2	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về khởi sự kinh doanh, từ nhận diện cơ hội kinh doanh, hình thành ý tưởng khởi nghiệp đến xây dựng mô hình và kế hoạch kinh doanh. Nội dung học phần tập trung vào các phương pháp phát triển ý tưởng sáng tạo, nghiên cứu thị trường, thiết kế mô hình kinh doanh, huy động nguồn lực và quản trị rủi ro trong giai đoạn khởi nghiệp. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, giải

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
			quyết vấn đề, thuyết trình và bảo vệ dự án khởi nghiệp. Học phần góp phần hình thành tư duy doanh nhân, tinh thần đổi mới sáng tạo và năng lực phát triển các dự án kinh doanh trong bối cảnh kinh tế số và hội nhập quốc tế.
47	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	2	Học phần Tin học ứng dụng trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng công cụ tin học văn phòng, trọng tâm là Microsoft Excel, để xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu phục vụ hoạt động kinh doanh. Nội dung bao gồm: các kiểu dữ liệu và kỹ thuật tổ chức, quản lý bảng dữ liệu; các hàm tra cứu, hàm và công cụ tổng hợp dữ liệu, hàm cơ sở dữ liệu và một số hàm tài chính thông dụng; ứng dụng Power BI để tự động hóa phân tích và xây dựng báo cáo trực quan. Sinh viên vận dụng các công cụ này vào giải quyết các bài toán nghiệp vụ kinh doanh cơ bản ở quy mô nhỏ như quản lý bán hàng, quản lý khách hàng, quản lý chấm công, tính lương, lập báo cáo doanh thu, chi phí, ... Qua đó, học phần hình thành năng lực làm việc độc lập và theo nhóm, tác phong nghề nghiệp trong xử lý dữ liệu.
Tự chọn (chọn 1 trong 3 học phần)			
48	Thuế	2	Học phần Thuế trang bị những kiến thức cơ bản về thuế và công tác quản lý thuế. Tìm hiểu các qui trình thủ tục liên quan đến công tác đăng ký, kê khai, tính, nộp và hoàn các loại thuế bao gồm: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam. Trong bối cảnh chuyển đổi số, môn học còn tích hợp xu hướng phân tích dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm tối ưu hóa các quyết định chi phí Thuế chiến lược. Mục tiêu là giúp sinh viên hình thành tư duy quản trị hiện đại, biết cách khai thác và xử lý thông tin kinh tế của doanh nghiệp để gia tăng lợi thế cạnh tranh và thúc đẩy sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.
49	Marketing căn bản	2	Học phần Marketing căn bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về marketing hiện đại, bao gồm: bản chất, vai trò và chức năng của marketing trong doanh nghiệp; môi trường marketing; nghiên cứu thị trường và dự báo doanh số; phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị; hành vi khách hàng cá nhân và tổ chức; cùng các chính sách marketing hỗn hợp về sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến (4P). Thông qua các nội dung này, sinh viên được rèn luyện khả năng vận dụng tư duy và công cụ marketing để phân tích thị trường, hỗ trợ ra quyết định và đề xuất các giải pháp marketing cơ bản phù hợp với thực tiễn hoạt động của tổ chức. Đồng thời, sinh viên được tiếp cận và thực

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
			hành ứng dụng các công cụ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong nghiên cứu thị trường, phân tích dữ liệu và phát triển nội dung marketing, trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc đạo đức và bảo mật thông tin..
50	Thương mại điện tử	2	Học phần Thương mại điện tử giới thiệu các nội dung cơ bản về thương mại điện tử, bao gồm khái niệm, đặc điểm, vai trò và xu hướng phát triển; hạ tầng công nghệ, an toàn và an ninh trong thương mại điện tử; các phương thức thanh toán và hợp đồng điện tử; các mô hình kinh doanh thương mại điện tử; chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp; quy trình xây dựng, quản trị và vận hành website thương mại điện tử; các hoạt động marketing điện tử và một số vấn đề pháp lý liên quan đến thương mại điện tử trong bối cảnh chuyển đổi số.
II.5. Tốt nghiệp			
Sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận			
51	Khóa luận tốt nghiệp	10	Học phần Khóa luận tốt nghiệp (KLTN) được thực hiện trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng mà sinh viên đã tích lũy trong quá trình học tập. Sinh viên vận dụng kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học và các kiến thức, kỹ năng chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng để lựa chọn, phân tích và giải quyết một vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn. Nội dung học phần bao gồm hình thành ý tưởng nghiên cứu; lựa chọn đơn vị hoặc đối tượng nghiên cứu; xây dựng đề cương; thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu; đánh giá thực trạng, hiệu quả và rủi ro của vấn đề nghiên cứu; đề xuất giải pháp và kiến nghị phù hợp trên cơ sở lý luận và thực tiễn; hoàn thiện Khóa luận tốt nghiệp và bảo vệ kết quả nghiên cứu trước Hội đồng chấm khóa luận. Trong quá trình thực hiện, sinh viên chủ động cập nhật các kiến thức, quy định và xu hướng mới của ngành, đồng thời khai thác các công cụ số và trí tuệ nhân tạo (AI) một cách phù hợp để hỗ trợ tìm kiếm tài liệu, xử lý dữ liệu và nâng cao chất lượng nghiên cứu.
Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận			
52	Chuyên đề tốt nghiệp	4	Học phần Chuyên đề tốt nghiệp là học phần tổng hợp, giúp sinh viên vận dụng kiến thức và kỹ năng đã tích lũy để nghiên cứu, phân tích và giải quyết một vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng tại cơ sở thực tập. Nội dung học phần bao gồm tìm hiểu đơn vị thực tập; lựa chọn và phân tích một vấn đề thực tiễn; thu thập, xử lý và phân

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
			tích dữ liệu theo phương pháp nghiên cứu khoa học; đánh giá hiệu quả, rủi ro và thực trạng của vấn đề nghiên cứu; đề xuất giải pháp, kiến nghị phù hợp trên cơ sở lý luận và thực tiễn; đồng thời hoàn thiện Báo cáo Chuyên đề tốt nghiệp theo quy định. Trong quá trình thực hiện, sinh viên chủ động cập nhật các quy định, kiến thức và xu hướng mới của ngành, đồng thời khai thác các công cụ số và trí tuệ nhân tạo (AI) một cách phù hợp để hỗ trợ tìm kiếm thông tin, phân tích dữ liệu và nâng cao chất lượng nghiên cứu.
53	Thẩm định tín dụng	3	Học phần Thẩm định tín dụng là học phần bổ sung kiến thức chuyên ngành cho sinh viên không đủ điều kiện viết khóa luận tốt nghiệp trong chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, quy trình, phương pháp và các công cụ thẩm định tín dụng trong hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng thương mại. Nội dung học phần tập trung vào thẩm định khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp, dự án đầu tư và tài sản bảo đảm; phân tích các yếu tố tài chính, phi tài chính, đánh giá khả năng trả nợ, nhận diện và đo lường rủi ro tín dụng trong quá trình ra quyết định cấp tín dụng. Bên cạnh đó, học phần giúp người học phát triển kỹ năng phân tích tài chính, xếp hạng tín dụng, chấm điểm tín dụng, thẩm định dự án đầu tư và đánh giá tài sản bảo đảm; vận dụng kiến thức để xử lý các tình huống thực tiễn trong hoạt động tín dụng ngân hàng. Học phần hỗ trợ người học vận dụng kiến thức vào các vị trí công việc liên quan đến tín dụng, thẩm định và quản trị rủi ro tại các tổ chức tín dụng, đồng thời lồng ghép các nội dung về tín dụng xanh, ESG (Môi trường – Xã hội – Quản trị), tài chính bền vững, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI) và các xu hướng phát triển mới trong hoạt động thẩm định tín dụng của ngân hàng thương mại.
54	Quản trị rủi ro tài chính	3	Học phần Quản trị rủi ro tài chính thuộc khối kiến thức tốt nghiệp dành cho các sinh viên không đủ điều kiện viết khóa luận tốt nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về quản trị rủi ro tài chính trong các tổ chức tài chính và doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm tổng quan về rủi ro tài chính và quản trị rủi ro tài chính; nhận diện, đo lường, phân tích và kiểm soát các loại rủi ro chủ yếu như rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường; các công cụ và phương pháp quản trị rủi ro tài chính; đồng

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
			thời cập nhật các chuẩn mực quốc tế và xu hướng quản trị rủi ro trong bối cảnh hội nhập, chuyển đổi số và phát triển bền vững.

7. Chuyển ngành đào tạo và học tập suốt đời

7.a. Sinh viên trường khác, ngành khác có thể chuyển đến?	Có thể	
7.b. Sinh viên có thể chuyển đi sang học ngành khác?	Có thể	
7.c. Cơ hội học sau đại học hoặc học 2 văn bằng		
Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học tiếp thạc sĩ, tiến sĩ hoặc tham gia học văn bằng thứ 2 trong cùng lĩnh vực.		

8. Chất lượng và các tiêu chuẩn

Nhà trường và Khoa cam kết xây dựng môi trường học tập chủ động, trải nghiệm thực tế và linh hoạt thay đổi phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và hòa nhập nhanh với mới trường quốc tế. Với những chính sách cụ thể như:

- Tạo ra môi trường học tập năng động, trải nghiệm thực tế, giúp người học phát huy năng lực cá nhân để có thể khởi nghiệp, học tập suốt đời;

- Tăng cường kết hợp với doanh nghiệp thực tế trong và ngoài nước để thực hiện phương thức đào tạo "Tuyển sinh – Đào tạo – Việc làm";

- Bám sát mục tiêu luôn gia tăng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ cộng đồng bằng cách hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo đội ngũ CB.GV.NV đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu chất lượng để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên;

- Phát triển mô hình giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập dựa trên giáo dục số và CMCN 4.0;

- Gia tăng kiểm soát chất lượng toàn diện để tăng sự hài lòng của sinh viên và các bên liên quan.

9. Ngày thiết kế/rà soát Bản mô tả chương trình đào tạo

Ngày 10/8/2026

DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

PGS. TS. Nguyễn Hữu Cương

P.TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. Lê Trọng Hùng